TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **204/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trung Trực;**

2. Ông **Nguyễn Hoa Kiều.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa***: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 593/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST–HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

HKTT: ấp M1, xã N1, Y, Tiền Giang.

2. Bi đơn: **Nguyễn Văn B,** sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Kim A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 06/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên say xỉn, không lo cho vợ con và còn đánh vợ. Trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn với anh B nhưng anh B năn nỉ hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn và được Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạochấp nhận qua Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 338/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2018. Nhưng sau đó anh B vẫn không thay đổi nên anh

chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị A nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Yến C, sinh ngày 12/04/2009 và Nguyễn Chấn D, sinh ngày 04/7/2012 hiện đang do chị A nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và cháu D, yêu cầu anh B cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Nguyễn Văn B từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh B vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

*** Tại phiên tòa**, chị Trần Thị Kim A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung: chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến C, sinh ngày 12/04/2009 và Nguyễn Chấn D, sinh ngày 04/7/2012, chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng theo quy định pháp luật mỗi con chung là 700.000 đồng x 2 con= 1.400.000 đồng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị A trình bày không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị A và anh B mâu thuẩn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A ly hôn với anh B.

+ Về con chung: Con chung Nguyễn Yến C, sinh ngày 12/04/2009 và Nguyễn Chấn D, sinh ngày 04/7/2012 hiện đang do chị A nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C và cháu D và cháu D, C có nguyện vọng muốn sống với chị A nên cần tiếp tục giao cháu C và cháu D cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng, anh B phải cấp dưỡng hàng tháng 1.400.000 đồng nuôi 02 con chung đến khi con chung 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Trần Thị Kim A về việc tranh chấp "ly hôn" với anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang thuộc

trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B xác lập hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 06/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên say xỉn, không lo cho vợ con và còn đánh vợ. Trước đây chị có nộp đơn xin ly hôn với anh B nhưng anh B năn nỉ hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn và được Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo chấp nhận qua Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 338/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2018. Sau đó, anh B vẫn không thay đổi nên chị và anh B đã ly thân năm 2018 đến nay. Xét thấy, chị A và anh B từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân từ năm 2018 nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, điều đó chứng tỏ anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Từ lúc chị A và anh B ly thân với nhau, cháu Nguyễn Yến C, sinh ngày 12/04/2009 và Nguyễn Chấn D, sinh ngày 04/7/2012 được chị A chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, cháu D, đồng thời cháu C và cháu D có nguyện vọng sống với chị A. Để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu C, cháu D nên cần tiếp tục giao cháu C, cháu D cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là 1.400.000 đồng nuôi dưỡng hai con, yêu cầu này là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị A trình bày chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh B vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh B.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim A.

1/ Về tình cảm: Chị Trần Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Yến C, sinh ngày 12/04/2009 và Nguyễn Chấn D, sinh ngày 04/7/2012 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng;

3/ Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi cháu C và cháu D mỗi tháng 1.400.000 đồng cho đến khi cháu C và cháu D đủ 18 tuổi, lao động được. Bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về nợ chung**:** Không có.

6/ Về án phí: Chị Trần Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0015391 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Tiền Giang nên chị A đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng